TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HSST
Ngày 31 – 3 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Khả

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tú

2. Ông Trần Hưng

***Thư ký phiên tòa**:* bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* ông Huỳnh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm và tuyên án công khai vụ án hình sự thụ lý số 225/2021/TLST-HS ngày 23/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS ngày 14/3/2022, đối với bị cáo:

Ông A; giới tính: nam; sinh năm: 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: không có; nơi cư trú: Đường M, Tổ N, Khu phố P, phường K, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 4/10; con ông H (chết) và bà K (chết); có vợ tên L và 03 con lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1985.

Tiền án; tiền sự: không

Tạm giữ, tạm giam: 09/9/2021 (có mặt)

Bị hại: bà B; sinh năm: 1962; nơi thường trú: đường C, Phường T quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: đường C, Phường T, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông A làm nghề chạy xe xích lô thường đậu phía trước Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh. Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 26/10/2004, bà B là chủ

tiệm bán dụng cụ uốn tóc Y, địa chỉ số đường C, Phường T, quận X thuê ông A chở một số hàng gồm: 03 ghế dựa ngồi hớt tóc (ghế mâm), 03 ghế (giường) gội đầu, 04 ghế để chân bằng inox, 01 lavabo bằng inox, 01 catalo (có hình các kiểu tóc) đi giao cho bà G tại địa chỉ đường I, Phường V, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và nhận tiền hàng số tiền 4.384.000 đồng về giao lại cho bà B. Sau khi nhận hàng, do hàng nhiều nên ông A có gọi thêm 01 người bạn chạy xích lô (không rõ lai lịch) cùng chở số hàng trên đến địa chỉ đường I, Phường V, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho bà G và nhận từ bà G số tiền thanh toán là 4.334.000 đồng (bà G nợ lại số tiền 50.000 đồng), đồng thời ông A ký nhận vào sổ theo dõi của bà G. Sau khi nhận tiền từ bà G, ông A nảy sinh ý định chiếm đoạt nên lấy toàn bộ số tiền của bà B rồi bỏ trốn.

Về phần bà B không thấy ông A đem tiền về giao nên tìm đến nơi ở của ông A tại Đường M, Tổ N, Khu phố P, phường K, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thì thời điểm này ông A đã chuyển nhà đi nơi khác nên bà B đến Công an Phường T, quận X trình báo sự việc. Công an phường T, quận X tiếp nhận sự việc, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Thạnh xử lý.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Thạnh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và ra Quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng không bắt được nên ra Quyết định truy nã đối với ông A. Đến ngày 09/9/2021 Công an quận Bình Thạnh bắt được ông A theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Thạnh, ông A khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Thu giữ, xử lý vật chứng: không

Trách nhiệm dân sự: bà B yêu cầu ông A bồi thường số tiền 4.334.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSBTh ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố bị cáo A về tội "Lạm dụng tín nghiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt để trở về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thực hành quyền công tố trình bày quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án, sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 áp dụng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh Hùng là hình phạt tù, thời hạn tù bằng thời gian tạm giam - 06 tháng 22 ngày tù. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*:

[2.1] Tại cơ quan điều tra cũng như thẩm tra xét hỏi tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản thu giữ đồ vật, lời khai của bị hại, tài liệu, kết luận điều tra cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ, cho thấy: ngày 26/10/2004, ông A đã lợi dụng sự tín nhiệm của chị B yêu cầu đi giao hàng và nhận tiền về giao lại cho chị B. Tuy nhiên sau khi nhận số tiền 4.334.000 đồng từ chị G, ông A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và lấy số tiền trên bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rõ được, việc giao hàng và nhận tiền hàng mang về cho bà B là thỏa thuận dựa trên sự tin tưởng của bị hại dành cho bị cáo. Tuy nhiên, do muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt số tiền 4.334.000 đồng của bị hại. Sau khi chiếm đoạt tiền của bị hại, bị cáo đã chuyển chỗ ở nhằm né tránh việc bị hại tìm đến đòi tiền. Đây là lỗi cố ý, do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nay là khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hội đồng xét xử xét thấy, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với bị cáo từ ngày 26/01/2005 đến ngày 09/9/2021 mới bắt được bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc khi áp dụng hình phạt dành cho bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện trả lại số tiền 4.334.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại B, do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] *Về án phí:* bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo A phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".*

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2021.

Buộc bị cáo trả lại cho bị hại bà B số tiền 4.334.000 đồng (bốn triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng)

2/ Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo A nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND q.Bình Thạnh;
- Nhà tạm giữ - CA q.Bình Thạnh;
- Chi cục THA q.Bình Thạnh;
- Thi hành án hình sự;
- PC.57 Công an Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP - HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Khả

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Khả